ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02 /2022/QĐ-UBND	*Đắk Nông, ngày 10 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 ngày 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 261/TTr-SNN ngày 03 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mật độ chăn nuôi ở các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện quản lý chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Mật độ chăn nuôi: Được quy định tại khoản 2, Điều 53 Luật Chăn nuôi năm 2018.

2. Đơn vị vật nuôi: Được quy định tại khoản 1, Điều 53 Luật Chăn nuôi năm 2018.

3. Diện tích đất nông nghiệp: Được quy định tại khoản 1, Điều 22 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

Điều 3. Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Mật độ chăn nuôi chung của tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là 0,97 đơn vị vật nuôi (ĐVN)/01 ha đất nông nghiệp, trong đó mật độ chăn nuôi tối đa của từng huyện, thành phố được quy định như sau:

1. Thành phố Gia Nghĩa: Không quá 0,5 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

2. Huyện Krông Nô: Không quá 1,2 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

3. Huyện Cư Jút: Không quá 1,2 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

4. Huyện Đắk Mil: Không quá 0,7 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

5. Huyện Đắk Song: Không quá 01 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

6. Huyện Đắk Glong: Không quá 01 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

7. Huyện Tuy Đức: Không quá 01 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

8. Huyện Đắk R'lấp: Không quá 0,7 ĐVN/01 ha đất nông nghiệp.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các Sở, ngành

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này ở các địa phương; trong trường hợp cần thiết chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung quy định mật độ chăn nuôi cho phù hợp.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa xác định diện tích đất nông nghiệp làm căn cứ cho các huyện, thành phố Gia Nghĩa tính toán, xác định điều chỉnh kế hoạch phát triển chăn nuôi cho phù hợp.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan, căn cứ Quyết định này để xem xét, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh của các tổ chức, cá nhân.

d) Các Sở, ngành có liên quan căn cứ Quyết định này triển khai các nội dung thuộc thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa

a) Tổ chức tuyên truyền Quyết định này cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi tại địa bàn huyện, thành phố.

b) Căn cứ Quyết định này để định hướng, xây dựng kế hoạch chăn nuôi của địa phương.

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thống kê, kê khai hoạt động chăn nuôi trên địa bàn để làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện

phát triển chăn nuôi đảm bảo yêu cầu về mật độ chăn nuôi theo quy định.

d) Kiểm tra, quản lý hoạt động chăn nuôi tại địa phương đảm bảo phù hợp với mật độ chăn nuôi theo quy định tại Điều 3 Quyết định này.

đ) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung quy định về mật độ chăn nuôi trong trường hợp cần thiết.

e) Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về hoạt động chăn nuôi trên địa bàn về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh

a) Căn cứ vào định hướng, kế hoạch phát triển chăn nuôi của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa để tổ chức sản xuất chăn nuôi đảm bảo đúng quy định của Quyết định này.

b) Chấp hành nghiêm việc kê khai với Ủy ban nhân dân cấp xã về loại vật nuôi và số lượng vật nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2022.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Gia Nghĩa và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Các Bộ: NN&PTNN, TN&MT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ - Sở nội vụ;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, KTN(Ha).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trọng Yên